

NGHỊ QUYẾT

Về phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các huyện, thành phố, thị xã;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của HĐND huyện Sông Lô về dự toán ngân sách nhà nước huyện Sông Lô năm 2020;

Sau khi xem xét Báo cáo số 487/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2019 và xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Tờ trình số 1907/TTr-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện về xin phê duyệt phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ ngân sách huyện Sông Lô năm 2020, như sau:

1. Thu ngân sách cấp huyện: 615.790 triệu đồng, trong đó:

a) Thu ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp: 49.345 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 566.445 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách cấp huyện: 615.790 triệu đồng, trong đó:

a) Chi thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp huyện: 496.518 triệu đồng.

b) Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn: 119.272 triệu đồng.

Phân bổ ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện và mức bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã, thị trấn trên địa bàn huyện Sông Lô (theo Biểu số 01, 02, 03 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện căn cứ mức phân bổ tại Nghị quyết này giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cho các xã, thị trấn theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện có trách nhiệm giám sát thực hiện việc phân bổ và giao dự toán, chấp hành ngân sách cấp huyện năm 2019 của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện.

3. Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá I, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 27/12/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh(b/c);
- Sở Tài chính(b/c);
- TTHU, TTHĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Công TTĐT huyện;
- CPVP UBND huyện,
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quang Tài



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 88 /NQ-HĐND ngày 30 / 12 /2019 của HĐND huyện Sông Lô)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán 2020		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu NS cấp huyện	605.790.000	615.790.000	
1	Thu NS cấp huyện hưởng theo phân cấp	39.345.000	49.345.000	
	- Các khoản thu được hưởng 100%	2.120.000	2.120.000	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	37.225.000	47.225.000	
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp tỉnh	566.445.000	566.445.000	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	518.610.000	518.610.000	
	- Bổ sung có mục tiêu	47.835.000	47.835.000	
3	Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách cấp huyện	605.790.000	615.790.000	
1	Chi đầu tư phát triển	68.766.000	78.766.000	
2	Chi thường xuyên	367.416.000	359.336.000	
3	Dự phòng ngân sách	8.724.000	8.724.000	
4	Chi tạo nguồn CCTL	1.051.000	9.131.000	
5	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	40.561.000	40.561.000	
6	Bổ sung ngân sách xã, thị trấn	119.272.000	119.272.000	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	111.998.000	111.998.000	
	- Bổ sung có mục tiêu	7.274.000	7.274.000	
B	Ngân sách xã, thị trấn			
I	Nguồn thu NS cấp xã	138.861.000	163.861.000	
1	Thu NS cấp xã hưởng theo phân cấp	19.589.000	44.589.000	
	- Các khoản thu được hưởng 100%	670.000	670.000	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	18.919.000	43.919.000	
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp huyện	119.272.000	119.272.000	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	111.998.000	111.998.000	
	- Bổ sung có mục tiêu	7.274.000	7.274.000	
3	Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách cấp xã, thị trấn	138.861.000	163.861.000	



PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 88 /NQ-HĐND ngày 30 / 12 /2019 của HĐND huyện Sông Lô)

TT	Nội dung	Dự toán 2020		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	
	TỔNG CHI NS CẤP HUYỆN(A+B):	486.518.000	496.518.000	
A	TỔNG CHI TRONG CÂN ĐỐI	445.957.000	455.957.000	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	68.766.000	78.766.000	
1	Chi đầu tư XDCB	58.766.000	58.766.000	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	10.000.000	20.000.000	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	367.416.000	359.336.000	
1	Chi sự nghiệp Kinh tế	13.779.000	12.265.000	
1.1	<i>Sự nghiệp Nông, Lâm nghiệp</i>	2.628.000	2.472.000	
a	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp	2.283.000	2.127.000	
	- Trạm khuyến nông(1CC+5 VC)		716.000	
	- Kinh phí bảo vệ rừng theo TT 80		524.000	
	- Chi thuộc lĩnh vực Nông lâm nghiệp		887.000	
b	Kinh phí PCLB	345.000	345.000	
	- Kinh phí phục vụ công tác PCLB&TKCN		200.000	
	- Kinh phí nạo vét luồng tiêu		145.000	
1.2	<i>SN thị chính</i>	850.000	765.000	
	- Chi SN thị chính	850.000	315.000	
	- Văn phòng HĐND&UBND(Tiền điện chiếu sáng Đô thị và trụ sở UBND)		450.000	
1.3	<i>Sự nghiệp Đô thị</i>	3.065.000	2.758.000	
	- Chi thuộc lĩnh vực Đô thị		688.000	
	- Kinh phí định mức đặc thù theo loại Đô thị		1.800.000	
	- KP sự nghiệp công ích đô thị		270.000	
1.4	<i>Sự nghiệp Giao thông</i>	3.590.000	3.231.000	
	- Kinh phí ban ATGT		540.000	
	- Kinh phí theo Định mức		2.691.000	
1.5	<i>Sự nghiệp kinh tế khác</i>	3.646.000	3.039.000	
a	Các đơn vị dự toán	242.000	239.000	
	- Phòng Nông nghiệp&PTNT(KP chi phụ cấp BCĐ XD NTM)	135.000	135.000	
	- VP HĐND&UBND(TT Hành chính công)	107.000	104.000	
b	Các khoản kinh phí khác	3.404.000	2.800.000	
	- KP chi đạo, kiểm tra giám sát XD NTM	160.000	144.000	
	- Kinh phí quy hoạch và KH sử dụng đất	1.938.000	1.467.000	
	- Kinh phí hỗ trợ đất ở cho các hộ thiếu đất theo QĐ số 620/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc	135.000	135.000	
	- Kinh phí bổ sung lương, chi khác cho biên chế thiếu	1.171.000	1.054.000	
2	SN giáo dục và đào tạo	229.612.000	225.186.000	
2.1	<i>Kinh phí đào tạo</i>	770.000	738.000	
	- KP mở lớp chính trị		400.000	
	- KP nghiên cứu, học tập		338.000	
2.2	<i>Chi SN giáo dục khối huyện</i>	228.842.000	224.448.000	
	- Chi SN giáo dục cấp huyện		224.404.000	

